

Bản án số: 59/2017/HSST
Ngày 24-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

**** Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi
- Các hội thẩm nhân dân:

Ông: Trần Thành Đô

Ông: Phạm Đình Thìn

**** Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:***

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 24/11/2017 tại Hội trường UBND xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2017/HSST ngày 02 tháng 11 năm 2017; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2017/QĐXXST-HS ngày 08/11/2017 đối với bị cáo:

*** Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986**

Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nghề nghiệp: Làm ruộng; văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1957; con bà Lưu Thị D, sinh năm 1957 đều làm ruộng ở Thôn B, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Gia đình có 3 chị em bản thân là thứ 2. Vợ Trịnh Thị G, sinh năm 1991. Làm công nhân, hiện ở thôn P, xã S, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang và có 1 con sinh năm 2013. Tiền án: Bản án số 01/2016/HSST ngày 21/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xử phạt Đ 01 năm 08 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, trị giá tài sản trộm cắp là 35.030.000đ chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/04/2017; chấp hành xong án phí HSST ngày 16/6/2016. Tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/8/2017 đến nay. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:**

Anh Nguyễn Tiên L, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 7, xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 7, xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Nguyễn Công Đ, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Phố B, xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

3. Đào Xuân D, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu 3, thị trấn K, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bản cáo trạng số: 64/QĐ-KSĐT ngày 31/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang truy tố Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tóm tắt nội dung vụ án như sau: Khoảng 15 giờ ngày 17/8/2017, Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986 ở thôn B, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đến quán sửa chữa xe máy của anh Hoàng Văn T, sinh năm 1987 ở phố B, xã A, huyện Lạng Giang để xem anh T đã sửa xe mô tô cho Đ xong chưa. Đến nơi, Đ thấy anh T và anh Nguyễn Tiến L, sinh năm 1998 ở thôn 7, xã A (là người học nghề) đang sửa chữa xe cho hai người khách, Đ không quen biết. Đ đi vào ngồi uống nước tại bàn trong quán của anh T. Trong lúc ngồi uống nước, Đ thấy trên bàn có một chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu đen xám đỏ là điện thoại của anh L, Đ nghĩ chiếc điện thoại trên là của khách đang sửa xe tại quán anh T. Quan sát thấy hai người khách không để ý, Đ đã dùng tay phải cầm chiếc điện thoại đút vào túi quần bên phải phía sau rồi đi đến nhà anh Nguyễn Công Đ, sinh năm 1990 ở Phố B, xã A chơi. Đ khai thấy anh T nháy mắt với Đ nên Đ nghĩ anh T bảo Đ trộm cắp chiếc điện thoại trên, tại đây Đ gặp anh Đ và anh Đào Xuân D, sinh năm 1995 ở thôn Đ, xã T, huyện Lạng Giang. Đ bỏ chiếc điện thoại vừa trộm cắp được ra bảo với anh Đ và D “T bảo anh lấy chiếc điện thoại này, giờ làm thế nào?”, Anh Đ bảo: “Điện thoại của anh, anh làm gì thì làm”. Đ đem chiếc điện thoại trên đến cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1987 ở khu 3, thị trấn K bán được 1.000.000đ. Số tiền bán điện thoại, Đ đã dùng 200.000đ để mua ma túy về sử dụng cùng anh Đ và anh D, dùng 500.000đ để mua thẻ điện thoại cho anh D và Đ, số tiền còn lại Đ mua nước uống hết.

Buổi sáng ngày 18/8/2017, Đ đến quán sửa chữa xe máy của anh T và biết được chiếc điện thoại mình trộm cắp là của anh L. Đ muốn trả lại điện thoại cho anh L nhưng không dám nói mình đã trộm cắp nên Đ bảo với L biết một cửa hàng điện thoại ở thị trấn K có chiếc điện thoại như của anh L bị mất để Đ đưa anh L đến xem và chuộc lại. Buổi chiều cùng ngày, Đ chở anh L đến thị trấn K, do anh L không đủ tiền và sợ vào cửa hàng anh Đ sẽ nhận ra Đ bán điện thoại nên Đ không đưa anh L vào chuộc điện thoại nữa mà đưa đến nhà trọ của bạn Đ tên là V (Đ không biết tuổi, địa chỉ cụ thể). Đến nơi anh V không có nhà nên Đ đã bảo anh L để lúc khác Đ chuộc điện thoại cho. Đến tối cùng ngày, Đ tiếp tục đưa anh L đi chuộc điện thoại. Đ đưa anh L đến phòng trọ của Đào Duy T, sinh năm 1992 ở thôn H, xã N, huyện Lạng Giang (hiện trọ tại khu 3, thị trấn K). Tại đây, Đ bảo chuộc điện thoại hết 1.000.000đ,

anh L đưa trước cho Đ 300.000đ và bảo Đ mang điện thoại Iphone màu trắng bạc của anh L đi cầm cố để lấy tiền chuộc. Do không biết chỗ cầm cố nên Đ bảo anh L đưa điện thoại cho T đi cầm cố, anh L chờ đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì Đ quay lại. Anh L nói với Đ “Đã đưa máy cho T đi cầm cố nhưng không thấy T quay lại”. Sau đó, Đ đưa anh L ra ngã tư thị trấn K để anh L đi xe ôm về nhà.

Ngày hôm sau, anh L gặp Đ và bảo Đ phải có trách nhiệm vì đưa anh L đi khiến anh L bị T lấy mất điện thoại. Đ đã lên phòng trọ của T, thấy T đang ngủ và thấy điện thoại của anh L ở phòng trọ. Đ lấy chiếc điện thoại đó mang về nhà mình. Sau đó, T xuống nhà Đ bảo phải trả điện thoại cho T. Nếu muốn lấy lại thì anh L phải lên gặp T vì anh L là người giao máy cho T. Thấy T nói vậy một phần vì sợ T, một phần muốn giữ điện thoại để trả cho anh L nên Đ đã đem 1.000.000đ đến phòng trọ của T, đến nơi T không có ở phòng trọ, Đ đã đưa cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 ở Khu 3, thị trấn K (là người ở cùng T). Số tiền này chị H đã chi tiêu cá nhân hết.

Anh Nguyễn Tiến L, sau khi mất điện thoại và được Đ đưa đi chuộc điện thoại nhiều lần nhưng không được, đã đến các quán điện thoại ở khu vực thị trấn K để tìm điện thoại của mình đã phát hiện chiếc điện thoại bị trộm cắp đang ở cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Khắc Đ. Anh L đã chuộc lại chiếc điện thoại với giá 1.000.000đ. Ngày 25/8/2017, anh L làm đơn tình báo cơ quan Công an đồng thời giao nộp 01 điện thoại Iphone 6 plus màu đen xám để phục vụ điều tra. Nay anh L yêu cầu Đ bồi thường cho anh 1.300.000đ.

Ngày 25/8/2017, Đ đến Công an huyện Lạng Giang đầu thú, khai nhận hành vi trộm cắp điện thoại của anh L như trên và giao nộp 01 ví da màu đen bên trong có 150.000đ, 01 điện thoại Nokia màu đỏ đen, 01 điện thoại Iphone màu trắng bạc.

Tại kết luận định giá số 49/KL-HĐ ngày 25/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lạng Giang kết luận : 01 điện thoại Iphone 6 plus màu đen xám 16G có giá 4.000.000đ.

Đối với Nguyễn Văn Đ có hành vi lấy chiếc điện thoại Iphone màu trắng bạc của anh L tại nhà trọ của Đào Văn T, tuy nhiên mục đích của Đ lấy lại chiếc điện thoại để trả lại anh L chứ không có ý thức chiếm đoạt chiếc điện thoại trên nên không có căn cứ xử lý Đ về hành vi này.

Đối với 01 điện thoại Iphone 6 plus màu xám đen; 01 điện thoại Iphone màu trắng bạc Ngày 20/9/2017 Cơ quan điều tra đã quyết định trả lại điện thoại trên cho anh L.

Tại cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có lời khai phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai như đã khai tại cơ quan điều tra và xác định toàn bộ số tiền bán điện thoại trộm cắp của L bị cáo sử dụng vào mục đích tiêu sài cá nhân. Bị cáo khẳng định việc bị cáo khai tại cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, không hề bị ép buộc hay bị bức cung hoặc dùng nhục hình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang xác định lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay đều phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai người bị hại; lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội, hiện trường thực tế khách quan; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. xử phạt Nguyễn Văn Đ tù 12 đến 15 tháng tù. Miễn án dụng hình phạt bổ hạt bổ sung bằng tiền. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với bản luận tội và buộc tội của vị đại diện Viện kiểm sát, mà xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ; nghe lời khai của bị cáo; ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa xác định được: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang là đối tượng nghiện ma túy đá. Khoảng 15 giờ ngày 17/8/2017, tại quán sửa chữa xe máy của của anh Hoàng Văn T, sinh năm 1987 ở phố B, xã A, huyện Lạng Giang, Nguyễn Văn Đ có hành vi trộm cắp 01 điện thoại Iphone 6 plus màu đen xám 16G của anh Nguyễn Tiến L, sinh năm 1998 nơi cư trú: Thôn 7, xã A, huyện Lạng Giang là thợ sửa xe máy tại cửa hàng của anh T. Trị giá tài sản Đ trộm cắp là 4.000.000đ. Cơ quan điều tra đã thu hồi trả cho người bị hại.

Lời khai thú nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản hiện trường, biên bản về việc người phạm tội ra đầu thú lập hồi 11 giờ 00 phút ngày 25/8/2017 của cơ quan công an, kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐ ngày 25/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lạng Giang; phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội cũng như tang vật chứng thu giữ được. Như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của bị cáo không những gây thiệt hại về tài sản cho người bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương, làm cho quần chúng nhân dân địa phương bất bình lên án, do đó phải xử phạt bị cáo để giáo dục riêng phòng ngừa chung.

* Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại bản án sơ thẩm số 01 ngày 21/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xử phạt Nguyễn Văn Đ 01 năm 08 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, Đ chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/04/2017, nay lại tái phạm tội, chứng tỏ bị cáo là con người khó giáo dục cải tạo, coi thường pháp luật, mới mãn hạn tù trở về địa phương được một thời gian ngắn lại tiếp tục phạm tội mới, do vậy cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình

sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian cần thiết mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở thành con người làm ăn lương thiện.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo xuất thân từ thành phần con em người lao động thuần nông, khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, tài sản trộm cắp đã thu hồi trả cho người bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Nên cần áp dụng điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình, để bị cáo sớm có điều kiện trở về làm ăn lương thiện cùng với gia đình.

Bị cáo trộm cắp tài sản nhằm mục đích bán lấy tiền ăn tiêu cá nhân, nên ngoài hình phạt chính lẽ ra cần áp dụng khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo để sung công quỹ nhà nước, xong xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, bản thân đang sống phụ thuộc vào mẹ, đã ly thân vợ từ tháng 10/2015, không có tài sản riêng, nên cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo, để bị cáo yên tâm cải tạo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

* Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Anh L đã đưa cho bị cáo Đ 300.000đ để chuộc điện thoại về trả cho anh L, nhưng bị cáo Đ không chuộc và không trả lại tiền; anh L đã bỏ ra 1.000.000đ để chuộc điện thoại về. Nay anh L yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường trả anh L 1.300.000đ, bị cáo Đ đồng ý, do vậy cần buộc bị cáo Đ phải có trách nhiệm bồi thường trả anh L 1.300.000đ.

Đối với 01 điện thoại Nokia màu đỏ đen đã qua sử dụng; 01 ví da màu đen và 150.000đ tiền ngân hàng nhà nước Việt nam. Đây là tài sản riêng của bị cáo không liên quan đến vụ án do vậy cần trả lại bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với anh Hoàng Văn T, Đ khai thấy anh T nháy mắt với Đ, Đ nghĩ anh Tài bảo Đ trộm cắp chiếc điện thoại nhưng anh T không thừa nhận, tài liệu trong hồ sơ vụ án không đủ căn cứ để xử lý đối với Hoàng Văn T đồng phạm với Đ.

Đối với Nguyễn Công Đ và Đào Xuân D không biết điện thoại Iphone 6 plus do Đ trộm cắp mà có. Quá trình điều tra Đ khai sau khi bán chiếc điện thoại trộm cắp của anh L, Đ đã mua ma túy để sử dụng cùng anh Đ và D song phía anh D và anh Đ không thừa nhận. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai số tiền bán điện thoại bị cáo sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân. Ngoài lời khai của Đ không có tài liệu chứng cứ nào khác nên không có căn cứ xử lý Đ, D và Đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Anh Nguyễn Khắc Đ khi mua điện thoại của Đ, không biết đó là tài sản do Đ trộm cắp, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện không đề cập xử lý, HĐXX xét thấy là phù hợp.

Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Điều 99; 191; 231; 234 Bộ luật Tố

tụng hình sự. Điều 21; 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Xử phạt Nguyễn Văn Đ 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 25/8/2017.

* Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 586 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Đ phải bồi thường anh Nguyễn Tiến L 1.300.000đ.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại bị cáo Đ 01 điện thoại Nokia màu đỏ đen đã qua sử dụng; 01 ví da màu đen và 150.000đ tiền ngân hàng nhà nước Việt nam. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

2/ Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, ngời được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà ngời phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chừa xong thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất 10%/năm đối với khoản tiền chừa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt án vắng mặt.

Án xử sơ thẩm công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Lạng Giang
- Công an huyện Lạng Giang
- THA huyện Lạng Giang
-
- L-u HS, VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thân Trọng Khôi